

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 23-3-2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hoàng Vũ;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-DS, ngày 19/10/2017, “V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST-DS ngày 30/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-DS ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị TT, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 95B/4 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị Nguyễn Thị P T, sinh năm 1993. Địa chỉ: 162, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (Theo văn bản ủy quyền chứng thực số 2045, ngày 26/9/2017). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn VH, sinh năm: 1937; Địa chỉ: Số nhà 184A/3 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn T B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà 240A/1, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T.T là Nguyễn Thị P.T trình bày:

Vào ngày 02/01/2015, chị Nguyễn Thị T.T có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng đến ngày 02/3/2015 sẽ trả, lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay là để ông H làm ăn, vay có làm biên nhận, biên nhận do chị T viết còn chữ ký tên “H” và dòng chữ “ Nguyễn V H” là do chính tay ông H viết và ký tên. Ngày 02/3/2017, ông H có trả cho chị T được số tiền là 23.000.000 đồng, người đứng ra trả tiền cho ông H là bà Nguyễn Thị B con ruột ông H có ký xác nhận là đã trả 23.000.000 đồng ghi dưới biên nhận ngày 02/01/2015. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn không thực hiện tiếp việc trả vốn, lãi cho chị T. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho chị T vốn vay 33.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 02/3/2015 đến ngày 02/3/2018, lãi suất 1,125%/ tháng, tổng cộng là 36 tháng với số tiền là 13.365.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 46.365.000 đồng trừ đi 23.000.000 đồng mà ông H đã đóng lãi còn lại số tiền là 23.365.000. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

Người làm chứng Nguyễn Thị B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và Tòa án đã tiến hành lấy lời khai nhưng mà Nguyễn Thị B vẫn không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn H, người làm chứng Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Văn H, người làm chứng Nguyễn Thị B vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Nguyễn Thị T.T. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn H và người làm chứng Nguyễn Thị B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc chị Nguyễn Thị T T yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền 33.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 02/3/2015 đến ngày 02/3/2018, lãi suất 1,125%/ tháng, tổng cộng là 36 tháng với số tiền là 13.365.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 46.365.000 đồng trừ đi 23.000.000 đồng mà ông H đã đóng lãi con lại số tiền là 23.365.000. Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị T đã xuất trình được biên nhận ngày 02/01/2015 do chị T viết và chữ ký tên “H” và dòng chữ “ Nguyễn Văn H” là do chính tay ông H viết và ký tên. Thế nhưng, Tòa án đã thông báo cho ông H biết về các tài liệu, chứng cứ mà chị T đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có biên nhận vay tiền thông qua Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông H vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với biên nhận mà chị T đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Nguyễn Thị T T. Điều này, chứng tỏ rằng ông H đã không phản đối đối với biên nhận mà chị T đã giao nộp cho Tòa án. Hơn nữa người làm chứng Nguyễn Thị B là người trả tiền lãi dùm cho ông Hai nhưng Tòa án ra giấy triệu tập chị B để làm rõ vấn đề này nhưng chị B vẫn không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H có vay 33.000.000 đồng của chị T là có thật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị T về tính lãi suất là 1,125%/tháng là đúng vì theo biên nhận ngày 02/01/2015 thì giữa ông H và chị T có thỏa thuận là lãi suất 3%/tháng. Do đó, yêu cầu tính lãi 1,125%/ tháng của chị T là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do yêu cầu của chị T là chính đáng và có đủ căn cứ cho nên Hội đồng xét xử cần buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T T vốn vay 33.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 02/3/2015 đến ngày 02/3/2018, lãi suất 1,125%/ tháng, tổng cộng là 36 tháng với số tiền là 13.365.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 46.365.000 đồng trừ đi 23.000.000 đồng mà ông H đã đóng lãi con lại số tiền là 23.365.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T T được chấp nhận toàn bộ, cho nên bị đơn Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T T vốn 23.365.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.168.250 đồng (Một triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T T số tiền 547.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00734, ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 23/3/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/3/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L V;
- Chi cục THADS huyện L V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư